

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Gói thầu: Mua sắm Hóa chất xét nghiệm đợt 2 năm 2025.
- Địa điểm: Số 809 Hương Lộ 2, P. Bình Trị Đông, Tp.HCM.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
PP25005 90949	Hóa chất xét nghiệm đông máu sử dụng trên máy xét nghiệm Sysmex Corporation - KÝ MÃ HIỆU: CS-1600			
1	Hóa chất đo thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time) trong máu	Hóa chất đo thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time) trong máu	ml	1.200
2	Hóa chất đo thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) trong máu	Hóa chất đo thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) trong máu	ml	600
3	Hóa chất Calcium Chloride đo APTT	Hóa chất Calcium Chloride đo APTT	ml	600
4	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I) trong máu	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I) trong máu	ml	120
5	Dung dịch đệm pha loãng mẫu cho xét nghiệm Fibrinogen	Dung dịch đệm pha loãng mẫu cho xét nghiệm Fibrinogen	ml	600

6	Hóa chất xét nghiệm định lượng D-Dimer trong máu	Hóa chất xét nghiệm định lượng D-Dimer trong máu	ml	259
7	Chất chuẩn mức bình thường và bệnh lý cho xét nghiệm D-Dimer	Chất chuẩn mức bình thường và bệnh lý cho xét nghiệm D-Dimer	ml	120
8	Chất chuẩn cho xét nghiệm đông máu mức bình thường	Chất chuẩn cho xét nghiệm đông máu mức bình thường	ml	120
9	Chất chuẩn cho xét nghiệm đông máu mức bất thường	Chất chuẩn cho xét nghiệm đông máu mức bất thường	ml	120
10	Chất chuẩn dài bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu thường quy và đặc biệt	Chất chuẩn dài bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu thường quy và đặc biệt	ml	120
11	Nước rửa hệ thống cho máy đông máu tự động	Nước rửa hệ thống cho máy đông máu tự động	ml	1.000
12	Nước rửa hệ thống cho máy đông máu tự động có tính Acid	Nước rửa hệ thống cho máy đông máu tự động có tính Acid	ml	3.000
13	Giếng (Cuvette) dùng cho máy đông máu tự động	Giếng (Cuvette) dùng cho máy đông máu tự động	Cái	24.000
PP25005 90950	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c trên máy xét nghiệm Paramedical - KỸ MÃ HIỆU: PKL PPC 810HPLC			
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c trong máu	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c trong máu Hộp \geq 600 test	Hộp	42
2	Calibrator HbA1c	Calibrator HbA1c Quy cách: Cal 1: \geq 0,1 x 3ml - Cal 2: \geq 0,1 x 3ml	Hộp	36
3	Control HbA1c các mức	Control HbA1c các mức Quy cách: Level 1: \geq 0,1 x 3ml - Level 2: \geq 0,1 x 3ml	Hộp	24

4	Column HbA1c	Column HbA1c	Cái	9
PP25005 90951	Hóa chất xét nghiệm sử dụng trên máy miễn dịch tự động, thực hiện bằng phương pháp hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang (Nhà thầu đặt máy sau trúng thầu)			
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng thể kháng virus Viêm gan B (HBsAb). Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng thể kháng virus Viêm gan B (HBsAb). Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	2.300
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B (HBsAg). Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B (HBsAg). Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	800
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	2.500
4	Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	800
5	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT3. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT3. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	11.000
6	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	12.000
7	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	12.000
8	Hóa chất xét nghiệm	Hóa chất xét nghiệm định lượng	Test	2.000

	định lượng tPSA. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	tPSA. Bao gồm hóa chất thử, control, calip		
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin I. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin I. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	16.000
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng Ferritin. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm định lượng Ferritin. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	4.500
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng Beta HCG. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm định lượng Beta HCG. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	13.000
12	Hóa chất xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	300
13	Hóa chất xét nghiệm định lượng PTH. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm định lượng PTH. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	1.000
14	Thuốc thử định lượng NT - pro BNP (b - type natriuretic peptide) Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Thuốc thử định lượng NT - pro BNP (b - type natriuretic peptide) Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	1.800
15	Hóa chất xét nghiệm CA 125 (cancer antigen 125). Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm CA 125 (cancer antigen 125). Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	800
16	Hóa chất xét nghiệm CA 19-9. Bao gồm hóa chất thử,	Hóa chất xét nghiệm CA 19-9. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	600

	control, calip			
17	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3 (cancer antigen 15-3). Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3 (cancer antigen 15-3). Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	500
18	Hóa chất xét nghiệm CA 72-4 (cancer antigen 72-4). Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm CA 72-4 (cancer antigen 72-4). Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	600
19	Hóa chất xét nghiệm Cortisol. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Hóa chất xét nghiệm Cortisol. Bao gồm hóa chất thử, control, calip	Test	600
20	Giếng phản ứng dùng cho máy miễn dịch	Giếng phản ứng dùng cho máy miễn dịch	Cái	130.000
21	Dung dịch pha loãng dùng trong miễn dịch	Dung dịch pha loãng dùng trong miễn dịch	ml	4.000
22	Dung dịch rửa máy miễn dịch	Dung dịch rửa máy miễn dịch	ml	140.000
23	Dung dịch rửa mẫu dùng cho máy miễn dịch	Dung dịch rửa mẫu dùng cho máy miễn dịch	ml	4.000
24	Hóa chất phát quang trong miễn dịch	Hóa chất phát quang trong miễn dịch	ml	31.000
PP2500 590952	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng trên máy bán tự động (Nhà thầu đặt máy sau trúng thầu)			
1	Hóa chất xét nghiệm tìm Gnathostoma trong máu	Hóa chất xét nghiệm tìm Gnathostoma trong máu	Test	500
2	Hóa chất xét nghiệm tìm Toxocara trong máu	Hóa chất xét nghiệm tìm Toxocara trong máu	Test	3.000
3	Hóa chất xét nghiệm tìm Strongyloides	Hóa chất xét nghiệm tìm Strongyloides stercoralis trong máu	Test	800

	stercoralis trong máu			
4	Hóa chất xét nghiệm tìm Fasciola trong máu	Hóa chất xét nghiệm tìm Fasciola trong máu	Test	600
5	Hóa chất xét nghiệm tìm Cysticercus cellulosae trong máu	Hóa chất xét nghiệm tìm Cysticercus cellulosae trong máu	Test	500
PP2500 590953	Hóa chất xác định nhóm máu			
1	Hóa chất định kháng nguyên A trên bề mặt hồng cầu	Hóa chất định kháng nguyên A trên bề mặt hồng cầu Quy cách: Chai \geq 10ml	10ml	100
2	Hóa chất định kháng nguyên B trên bề mặt hồng cầu	Hóa chất định kháng nguyên B trên bề mặt hồng cầu Quy cách: Chai \geq 10ml	10ml	100
3	Hóa chất định rhesus D trên bề mặt hồng cầu	Hóa chất định rhesus D trên bề mặt hồng cầu Quy cách: Chai \geq 10ml	10ml	70
4	Thuốc thử phát hiện kháng thể IgG	Thuốc thử phát hiện kháng thể IgG Quy cách: Chai \geq 10ml	10ml	12
5	Hóa chất nội kiểm chuẩn nhóm máu và an toàn truyền máu. Đánh giá hóa chất Anti A, Anti B, Anti D, hồng cầu mẫu A1, hồng cầu mẫu B, Anti human globulin	Các mẫu nội kiểm xét nghiệm định nhóm máu ABO-RH1 hoặc định nhóm RH-K	ml	400
6	Hồng cầu mẫu (A1, B) 20%	Hồng cầu mẫu (A1, B) 20%	ml	150
PP2500 590954	Hóa chất khác (Nhà thầu đặt máy sau trúng thầu)			
1	Chai cấy máu hiếu khí người lớn	Phát hiện vi khuẩn hiếu khí ở mẫu máu và dịch cơ thể người lớn. Gồm \geq 30ml môi trường nuôi cấy và một	Chai	1.200

	bề mặt được phủ thạch, sử dụng trên máy tự động	
--	--	--

Ghi chú:

- Nhãn hiệu, mã hiệu, tên thương mại nêu trong HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo và minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải thông số đánh giá, nhà thầu có thể dự thầu hàng hóa khác. Trường hợp nhà thầu dự thầu hàng hóa khác so với HSMT thì nhà thầu phải đảm bảo chứng minh hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật, có tính năng sử dụng tương đương, quy cách đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

1.3. Các yêu cầu khác: Nhà thầu phải cam kết các nội dung sau:

+ Hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau.

+ Hạn dùng: Hạn sử dụng còn tối thiểu tối thiểu còn 12 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm. Đối với hàng hóa không ghi ngày sản xuất thì hạn dùng phải còn tối thiểu 06 tháng kể từ ngày giao hàng.

+ Thời gian giao hàng: Cung cấp hàng hóa trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của bệnh viện, Có nhân viên giao nhận tại Kho hàng của Bệnh viện, không giao hàng qua chuyển phát nhanh hoặc bưu điện.

+ Cam kết thu hồi hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất hoặc bị lỗi do quá trình vận chuyển đến kho của Bệnh viện hoặc trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.

+ Cung cấp Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu (đối với các hàng hóa nhập khẩu) khi có yêu cầu của Bệnh viện

+ Cam kết hàng hóa cung cấp có đầy đủ giấy tờ theo quy định tại Điều 22 Nghị định 98/2021/NĐ-CP.

+ Cam kết thực hiện kê khai giá, niêm yết giá theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP.

+ Đối với các phần PP2500590949, PP2500590950: nhà thầu phải chào hóa chất sử dụng được trên thiết bị của bệnh viện.

+ Cam kết cung cấp máy xét nghiệm có công suất đáp ứng yêu cầu sau:

Mã Phần	Tên phần	Số lượng máy đặt	Thông số kỹ thuật yêu cầu
PP2500590951	Hóa chất xét nghiệm sử dụng trên máy miễn dịch tự động, thực hiện bằng phương pháp hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang	2	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động

Mã Phần	Tên phần	Số lượng máy đặt	Thông số kỹ thuật yêu cầu
PP2500590952	Hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng trên máy bán tự động	1	Máy bán tự động
PP2500590954	Hóa chất khác	1	Máy tự động

+ Tính hợp lệ, chất lượng máy xét nghiệm phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp máy xét nghiệm cung cấp không đáp ứng công suất, thông số theo yêu cầu thì bị xem là hành vi cố tình cung cấp thông tin không trung thực và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành, bảo trì, thay thế linh kiện, phụ kiện của máy xét nghiệm (ngoại trừ hóa chất xét nghiệm trong gói thầu), đảm bảo máy hoạt động tốt trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

+ Cam kết đảm bảo khắc phục sự cố hư hỏng máy móc trong vòng 24 giờ, nếu không khắc phục được thì phải có phương án thay thế trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được báo cáo về tình trạng máy hư hỏng bên phía bệnh viện.

+ Cam kết chịu chi phí hóa chất sử dụng để chạy thử máy, cài đặt máy, thẩm định xác nhận giá trị sử dụng của máy trước khi đưa máy vào hoạt động chính thức và Chi phí hóa chất sử dụng để dùng để khắc phục sự cố hư hỏng máy.

1.4 Nhà thầu liệt kê danh mục hàng hóa dự thầu

Nhà thầu phải nộp kèm theo E-HSĐT các file excel theo mẫu sau (xem file excel đính kèm)

BẢNG DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU

Stt	Mã phần	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Nhãn hiệu	Mã hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Số cấp giấy phép nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận lưu hành hoặc phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn sản phẩm	Phân loại		Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Mã HS	Quy cách
										Loại	Bảng phân loại				

*** Ghi chú:**

- Nhà thầu tự kê khai và kèm tài liệu chứng minh. Trong tài liệu nhà thầu highlight các sản phẩm dự thầu và ghi số thứ tự hàng hóa trong trong HSMT.

Mục 2. Bản vẽ: Không

